

**BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM
NĂM TÀI CHÍNH 2020**

(Phụ lục 25 ban hành theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

- a) Tên Quỹ, loại hình quỹ : Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Techcom (TCBF), Quỹ mở
- b) Mục tiêu đầu tư của quỹ : Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định.
Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.
- c) Thời hạn hoạt động của quỹ : Không thời hạn
- d) Danh mục tham chiếu : Không áp dụng
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận : Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cùng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền). Nhà Đầu Tư có thể nhận cổ tức bằng tiền hoặc dùng để tái đầu tư.
- f) Số lượng chứng chỉ quỹ : 1.647.049.029,39 (thời điểm 31/12/2020)
- g) Nội dung thay đổi tại điều lệ quỹ trong kỳ (nếu có):

Đại hội Nhà Đầu tư bất thường Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF) tổ chức ngày 27/10/2020 đã phê duyệt về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Quỹ như sau:

Bổ sung Điều 21.3 như sau:

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu từ điểm b đến điểm g, của Khoản 21.2 Điều này (ngoại trừ điểm c và việc tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát) nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định mức điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa được quy định tại Điều 58.1 nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội

hàng năm gần nhất. Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản Lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website. Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức tối đa được quy định tại Điều 58.1 sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.

Bổ sung Điều 26.2 như sau:

Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức đàm phán và mua hoặc bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán chưa đăng ký giao dịch. Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của quỹ.

Thay mặt Đại hội Nhà Đầu Tư phê duyệt thông qua mức Giá dịch vụ Quản lý Quỹ trong hạn mức tối đa được quy định tại Điều 58.1 nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Thay mặt Nhà Đầu tư phê duyệt Quy chế hướng dẫn về việc bỏ phiếu điện tử cho từng đợt lấy ý kiến Nhà Đầu tư nếu sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử.

Sửa đổi Điều 58.1 về Giá dịch vụ Quản lý như sau:

Giá dịch vụ Quản Lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản Lý Quỹ. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ Quản Lý tối đa là 1,5%/NAV/năm.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định điều chỉnh mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa nêu trên nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong Đại hội hàng năm gần nhất. Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản Lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website. Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý dẫn đến giá dịch vụ vượt quá mức tối đa nêu trên sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.

Phù hợp với quy định của pháp luật, trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý như nêu tại đây, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như nêu tại khoản 58.3 và 58.4 của Điều này sẽ tuân thủ mức tối đa theo yêu cầu của pháp luật.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư:

- Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2019 lần thứ hai tổ chức ngày 19/05/2020 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau(*):

Điều 1:

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Quỹ tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 2:

Thông qua Báo cáo Ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 3:

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: <http://www.techcomecapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>

Điều 4:

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2019 Quỹ tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 5:

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2020 của Quỹ tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 6:

Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2020.

Điều 7:

Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2020 tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 8:

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.

- Đại hội Nhà Đầu tư bất thường Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF) tổ chức ngày 27/10/2020 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau(*):

Điều 1:

Thông qua các nội dung về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ nêu trên.

Điều 2:

Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ:

Đại hội Nhà Đầu tư quyết định ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định:

Quyết định mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa là 1,5%/NAV/năm.

Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website. Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức tối đa nêu trên sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.

Điều 3:

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.

(*) Thông tin chi tiết được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;

Căn cứ vào thư xác nhận của Công ty quản lý quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trái phiếu niêm yết	51,56%	49,49%	77,38%
Trái phiếu chưa niêm yết	13,35%	6,55%	9,25%
Chứng chỉ tiền gửi	32,75%	25,26%	5,25%
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	40,82%	11,66%	0,00%
Tiền gửi và các khoản tương đương tiền	16,68%	4,77%	5,47%
Tài sản khác	2,30%	2,27%	2,65%
	100,00%	100,00%	100,00%

Thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	24.129.219.949.881	15.360.321.152.586	6.622.464.824.048
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	1.647.049.029,39	1.115.893.868,59	519.853.783,13
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	14.649,97	13.765,03	12.739,09
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.657,89	13.765,03	12.739,08
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	13.767,78	12.735,25	11.781,61
Thu nhập của Quỹ			
1. Lãi tiền gửi ngân hàng	206.623.273.351	82.094.664.101	2.364.844.702
2. Lãi chứng chỉ tiền gửi	275.572.019.174	166.169.415.528	23.131.865.298
3. Lãi trái phiếu	978.791.386.564	784.732.757.481	270.913.920.172
4. Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(10.289.610.712)	3.015.679.781	(2.431.872.626)
5. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	(96.807.736.616)	84.985.325.746	28.846.968.879
6. Doanh thu khác	430.902.711	25.505.449	38.258
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối

Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,63%	1,65%	1,46%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	65,41%	104,58%	136,66%

b) Chi tiêu lợi nhuận của Quỹ:

	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>3 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-16,16%	-4,58%	640,49%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	13,86%	43,45%	93,90%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	6,43%	24,25%	46,50%
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	6,43%	7,51%	7,68%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	15,84%	584,07%	Không áp dụng

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, là thống nhất đã được phê duyệt bởi Ban đại diện Quỹ;

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

HUYỀN QUẬN TÂY

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Quỹ hoàn thành mục tiêu mang lại lợi nhuận dài hạn đều đặn cho các Nhà Đầu tư.

Theo báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 6,43% so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 .

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Quỹ không thay đổi chiến lược trong kỳ báo cáo. Chiến lược Quỹ sử dụng trong kỳ báo cáo là chiến lược đã được công bố thông tin tại Bản cáo bạch.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thông tin về cơ cấu danh mục tham khảo tại mục a) phần 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ nêu trên. So với danh mục tại thời điểm 31/12/2019, tại thời điểm 31/12/2020 Quỹ tăng đáng kể tỷ trọng đầu tư vào hợp đồng tiền gửi đặc biệt là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...

- Đánh giá biến động của thị trường trong kỳ báo cáo:

Kinh tế vĩ mô năm 2020

GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Điều này cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều

hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh và sự quyết tâm, đồng lòng của toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự nỗ lực, cố gắng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Năm 2020 ghi nhận nỗ lực mạnh mẽ của hoạt động xuất, nhập khẩu trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và sự đứt gãy thương mại toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6% [11]. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Trong đó có 2.523 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,6 tỷ USD, giảm 35% về số dự án và giảm 12,5% về số vốn đăng ký so với năm trước; có 1.140 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 6,4 tỷ USD, tăng 10,6%; có 6.141 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 7,5 tỷ USD, giảm 51,7%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.695 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 3,2 tỷ USD và 4.446 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 4,3 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD, giảm 2% so với năm trước.

Giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới; giá gạo tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng vào dịp cuối năm tăng là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2020 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 0,19% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,23% so với năm 2019. Tính chung quý IV/2020, CPI tăng 0,22% so với quý trước và tăng 1,38% so với quý IV/2019.

Thị trường trái phiếu năm 2020

Trong tháng 1, Lợi suất trái phiếu Chính phủ giảm nhanh trong nửa đầu của tháng, sau đó bật tăng trở lại ở thời điểm Ngân hàng Nhà nước bắt đầu phát hành tín phiếu và biến động đi ngang cho tới cuối tháng. Sau đó lãi suất tiếp tục giảm nhanh và giảm tốc cho tới giữa tháng 3, trước khi bật tăng mạnh và duy trì xu hướng tăng cho tới cuối quý. Biến động lớn của lợi suất trái phiếu chính phủ được giải thích bởi các nguyên nhân sau:

- Kỳ vọng SBV cắt giảm mạnh lãi suất điều hành trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp: Việc Fed bắt đầu giảm lãi suất điều hành vào đầu ngày 03/03 đã kéo theo làn sóng hạ lãi suất của một loạt các NHTW trên thế giới cùng với các gói cứu trợ kinh tế khỏi đại dịch Covid. Trong khi đó tại thời điểm đầu tháng 3, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn chưa có bất kỳ động thái can thiệp nào, do đó hoàn toàn có cơ sở kỳ vọng việc SBV sẽ giảm lãi suất theo xu hướng chung của thế giới. Ngày 17/03, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố hạ một số lãi suất điều hành, trong đó lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) giảm từ 4% xuống 3,5% (-50bps), lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 5% (-100bps), lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4% xuống 3,5% (-50bps), đồng thời hạ trần lãi suất huy động và cho vay các kỳ hạn và tăng nhẹ lãi suất đối với tiền gửi dữ trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước nhằm ứng phó với đại dịch Covid 19. Tuy nhiên, việc FED giảm lãi suất hay việc Ngân hàng Nhà nước có can thiệp chính thức cũng đã được thị trường dự báo

và phản ánh trong các phiên giao dịch trước. Cùng với đó, tâm lý thận trọng của nhà đầu tư đã khiến lực bán trên thị trường tăng mạnh trong khi lực cầu yếu khiến lãi suất bật tăng.

- Áp lực ghi nhận lợi nhuận trong tháng cuối quý của khối Ngân hàng thương mại: Trước ngưỡng tâm lý khi vùng lãi suất đã ở mức rất thấp cùng với nhu cầu chốt lời vào dịp cuối Quý đã tạo áp lực đẩy lợi suất giao dịch trên thị trường thứ cấp tăng mạnh. Bên cạnh đó, do biên độ dao động lãi suất tại mỗi phiên trong tháng là rất lớn (15-30bps) đã khiến nhiều nhà đầu tư chạm mức chốt lỗ, khiến lực bán ngày càng áp đảo và lợi suất giao dịch vì thế tăng rất nhanh trong một thời gian ngắn

- Tỷ giá liên ngân hàng tăng mạnh trong tháng 3: Tỷ giá USD tăng mạnh trong tháng 3 trong khi duy trì mặt bằng khá ổn định quanh 23,170 đồng - 23,300 đồng trong 2 tháng đầu năm. Đặc biệt trong ngày 19/03 tỷ giá đã tăng đột biến 100 đồng từ 23,350 đồng lên 23,450 đồng, sau đó liên tục leo thang và có thời điểm đã lên tới 23,760 đồng, khiến lo ngại của các nhà đầu tư đặc biệt tăng cao, lợi suất trái phiếu vì thế tăng nhanh theo tỷ giá. Ngày 31/03, tỷ giá đang giao dịch tại mức 23,720 VND/USD. Như vậy, giá trị VND đã giảm -2.07% YTD và -2.02% YoY.

Trong tháng 4, Lợi suất trái phiếu Chính phủ dao động trong biên độ tương đối lớn khoảng 40-70bps đối với các kỳ hạn dưới 15 năm và 10bps đối với kỳ hạn 20 năm và 30 năm. Tuy nhiên lợi suất chỉ giảm mạnh trong tuần đầu tháng 4 trong khi giảm nhẹ và gần như đi ngang trong 3 tuần còn lại của tháng. Trong tháng 5, lợi suất trái phiếu Chính phủ tiếp tục duy trì xu hướng giảm với các kỳ hạn từ 5 năm trở xuống, đặc biệt là các kỳ hạn 1-2 năm với mức giảm lên đến 50 – 100bps. Ngược lại, các kỳ hạn từ 7 - 15 năm tăng từ 10 – 15bps. Trong khi đó, các kỳ hạn 20 năm và 30 năm dao động nhẹ, tăng từ 3 – 5bps. Trong tháng 6, thanh khoản thị trường suy giảm, lợi suất biến động nhẹ ở các kỳ hạn và gần như đi ngang.

Trong tháng 7, Lợi suất trái phiếu Chính phủ có xu hướng giảm với tất cả các kỳ hạn. Trong đó, các kỳ hạn từ 5 năm trở xuống có mức giảm khoảng 10 - 40bps. Các kỳ hạn trên 5 năm đến 15 năm dao động trong biên độ 10 - 20bps, giảm nhẹ trong nửa đầu tháng trước khi tăng trở lại vào nửa cuối tháng 7. Trong tháng 8, Lợi suất trái phiếu Chính phủ dao động trong biên độ rất hẹp, kết thúc tháng giảm nhẹ so với cuối tháng 7. Mức giảm chỉ khoảng từ 2 – 10bps đối với các kỳ hạn từ 15 năm trở xuống. Trong khi đó, các kỳ hạn 20 năm và 30 năm gần như không thay đổi. Trong tháng 09, lợi suất thị trường trái phiếu Chính phủ giảm mạnh ở hầu hết các kỳ hạn với mức giảm khoảng 30-40bps thanh khoản tăng nhẹ so với tháng 08

Trong tháng 10, Lợi suất trái phiếu các kỳ hạn trên 7 năm giảm nhanh khoảng 10-15bps trong hai phiên đầu tháng trước khi tăng trở lại và đi ngang trong cả tháng. Trong tháng 11, Lợi suất trái phiếu các kỳ hạn đều giảm so với tháng 10 với mức giảm từ 5 - 30bps ở mỗi kỳ hạn. Trong tháng 12, lợi suất thị trường trái phiếu Chính phủ đi ngang ở các kỳ hạn trên 7y và tăng nhẹ ở cuối năm.



- Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi nhận được	1.460.986.679.089	1.032.996.837.110	296.410.630.172
Lãi tiền gửi ngân hàng	206.623.273.351	82.094.664.101	2.364.844.702
Lãi chứng chỉ tiền gửi	275.572.019.174	166.169.415.528	23.131.865.298
Lãi trái phiếu	978.791.386.564	784.732.757.481	270.913.920.172
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(10.289.610.712)	3.015.679.781	(2.431.872.626)
Trái phiếu	(17.157.734.697,00)	1.848.850.202	(873.472.571)
Chứng chỉ tiền gửi	6.868.123.985,00	1.166.829.579	(1.558.400.055)
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	(96.807.736.616)	84.985.325.746	28.846.968.879
Doanh thu khác	430.902.711	25.505.449	38.258

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (Công ty Quản lý Quỹ) trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (TCBF) đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch: trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (TCBF) từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Mục d, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó. Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư trong thời hạn cho phép theo quy định pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục d, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch;

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: trong năm Quỹ phát hành thêm 1.752.475.051,61 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị theo mệnh giá là 17.524.750.516.100 đồng;
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: trong năm Quỹ mua lại 1.221.319.890,81 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 12.213.198.908.100 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2020	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2019	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2018
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	19.833.441.974	14.895.960.469	4.305.174.722
Tổng chi phí hoạt động (2)	260.232.682.566	175.948.311.706	49.173.847.244
% Tổng chi phí hoạt động = (1)/(2)	7,62%	8,47%	8,76%
Tổng Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện (3)	1.072.281.553.531	927.039.264.501	267.273.955.047
% Lợi nhuận = (1)/(3)	1,85%	1,61%	1,61%
Tổng Thu nhập đã thực hiện và chưa thực hiện của Quỹ (4)	1.460.986.679.089	1.032.996.837.110	296.410.630.172
% Thu nhập của Quỹ = (1)/(4)	1,36%	1,44%	1,45%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2020	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2019	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2018
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	19.833.441.974	14.895.960.469	4.305.174.722
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	6.072.095.934	5.547.297.142	1.432.863.230
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	325.185.000	239.100.000	88.850.000
Phí dịch vụ giám sát	5.725.119.018	3.870.862.854	1.308.716.142
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	7.711.042.022	5.238.700.473	1.474.745.350

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

Theo đánh giá của chúng tôi, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng nhận ủy quyền cho Quỹ TCBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Lưu Dũng

